

MỘT SỐ NÉT VỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIẢNG DẠY ĐẠI HỌC VÀ TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP Ở MIỀN BẮC (1965- 1975)

ThS NGÔ VĂN HÀ*

Giai đoạn 1965-1975 là giai đoạn đầy thử thách đối với ngành giáo dục nói chung và giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp (ĐH & THCN) nói riêng.

Đến năm 1965, năm cuối kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961- 1965), miền Bắc đã có những bước tiến dài. Các thành phố không ngừng được mở rộng; nhiều nhà máy, xí nghiệp, các hợp tác xã bậc cao phát triển; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện. Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc đào tạo cán bộ chuyên môn với quy mô lớn và chất lượng cao. Nhưng cũng từ năm 1965, đế quốc Mỹ bắt đầu leo thang đánh phá miền Bắc, ngành ĐH&THCN phải đảm nhận nhiệm vụ hết sức nặng nề: đào tạo cán bộ chuyên môn đảm bảo về số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế, xã hội trong điều kiện có chiến tranh.

Căn cứ và hoàn cảnh cụ thể và đường lối xây dựng kinh tế - văn hóa, Đảng và Chính phủ kịp thời chuyển hướng giáo dục ĐH&THCN nhằm mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và chuẩn bị cán bộ cho cả nước sau khi thống nhất nước nhà. Nghị quyết 142/NQ-TW (ngày 28-6-1966) của Bộ chính trị "Về việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học, kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế" khẳng định: Công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học, kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế cần được phát triển mạnh mẽ để chuẩn bị cho nhu cầu cả nước.

Chúng ta cần tranh thủ thời gian tương đối ngắn xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế đông đảo, vững mạnh, ngày càng hoàn chỉnh về ngành nghề, vừa có phẩm chất chính trị tốt, tuyệt đối trung thành với Đảng, với giai cấp công nhân, với dân tộc, liên hệ chặt chẽ với công nông, vừa có trình độ khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ giỏi, nắm vững được qui luật của tự nhiên và xã hội, có khả năng tiếp cận trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, có năng lực tổ chức động viên quần chúng tích cực tham gia vào việc giải quyết những vấn đề khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế do thực tiễn nước ta đề ra.

Trước yêu cầu đó, Đảng ta đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy (ĐNCBGD) ĐH&THCN đủ về số lượng và đáp ứng yêu cầu về chất lượng, coi đây là công tác có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển giáo dục ĐH&THCN trong tình hình mới. Nghị quyết 142 của Bộ chính trị nhấn mạnh: "Phải rất trọng việc đào tạo và bồi dưỡng một ĐNCBGD có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng tốt, có hiểu biết sâu rộng về khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ và có khả năng kết hợp lý luận với thực tiễn. Những thầy giáo giỏi không những là người biết truyền kiến thức cho sinh viên mà quan trọng hơn nữa là biết rèn luyện sinh viên thành những người cán bộ khoa học, kỹ thuật công nghệ, những trí thức xã hội chủ nghĩa liên hệ chặt chẽ với công nông, có tinh thần chiến đấu cao và nắm vững phương pháp tìm tòi và suy nghĩ của chủ nghĩa Mác - Lênin, phương pháp nghiên cứu khoa học và phương pháp công tác đúng đắn"¹.

* Khoa Mác - Lênin, Trường đại học kinh tế Đà Nẵng

Để đẩy mạnh và cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết của Bộ chính trị, ngày 27- 5- 1968, Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị số 53/TTg-Vg về việc tăng cường ĐNCBGD ở các trường ĐH&THCN. Chỉ thị nhấn mạnh: "... nhiệm vụ đào tạo cán bộ giảng dạy phải đi trước một bước so với nhiệm vụ đào tạo cán bộ chuyên môn... Trước mắt phải ra sức đào tạo, bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ giảng dạy đủ về số lượng, tốt về chất lượng, hoàn chỉnh về ngành nghề, đứng vững đường lối chính sách cán bộ của Đảng để đáp ứng yêu cầu phát triển của các trường và lớp đại học và trung học chuyên nghiệp¹⁷". Chỉ tiêu phần đầu nâng số lượng ĐNCBGD ĐH&THCN theo tỷ lệ thầy và trò như sau: ở bậc đại học là 1/10 đến 1/15 (hệ tập trung), từ 1/20 đến 1/30 (hệ tại chức); ở bậc trung học chuyên nghiệp là 1/15 đến 1/20 (hệ tập trung), từ 1/30 đến 1/40 (hệ tại chức).

Chỉ thị đề ra các biện pháp nhằm xây dựng ĐNCBGD như gửi đi đào tạo ở nước ngoài đối với những ngành nghề ta chưa có khả năng đào tạo; các trường giữ những sinh viên, học sinh ưu tú xuất thân từ thành phần cơ bản, tốt nghiệp các trường ĐH&THCN để đào tạo thành cán bộ giảng dạy; huy động những cán bộ có kinh nghiệm sản xuất và nghiên cứu khoa học tham gia giảng dạy; tiến tới luân chuyển cán bộ giữa trường học, viện nghiên cứu và cơ sở sản xuất. Chỉ thị nhấn mạnh: phải đẩy mạnh công tác bồi dưỡng cán bộ giảng dạy, coi nhiệm vụ này là công tác trung tâm thường xuyên của toàn ngành giáo dục chuyên nghiệp. Bồi dưỡng cán bộ giảng dạy về các mặt chính trị, tư tưởng, kiến thức khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ sư phạm và thực tiễn sản xuất; tăng cường cán bộ giảng dạy là công nhân, nông dân ưu tú trong sản xuất; cải tiến chế độ và điều kiện làm việc, chăm lo đời sống của cán bộ giảng dạy.

Việc ra đời Nghị quyết 42 của Bộ chính trị và Chỉ thị 53 của Chính phủ đánh dấu bước tiến của Đảng và Chính phủ trong chỉ đạo xây dựng ĐNCBGD ĐH& THCN. Những điểm mới trong những văn kiện quan trọng này là:

- Đảng và Chính phủ đã có quan niệm rõ đủ về số lượng và tốt về chất lượng việc xây dựng ĐNCBGD ĐH&THCN. Đủ về số lượng là đảm bảo tỷ lệ thích hợp giữa giáo viên và sinh viên, cân đối giữa các ngành nghề đào tạo. Tốt về chất lượng là người thầy vừa có

đức vừa có tài. Người thầy giáo là những chiến sĩ tiên phong trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, là người trí thức tiêu biểu cho chế độ mới, là tấm gương sáng cho học trò noi theo, phải không ngừng phấn đấu học tập rèn luyện chiếm lĩnh đỉnh cao khoa học kỹ thuật của thời đại, tích cực tham gia vào hoạt động của đời sống xã hội, đóng góp thiết thực vào công cuộc xây dựng đất nước.

- Giải quyết một cách đúng đắn mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng trong việc xây dựng ĐNCBGD. Quan điểm nhất quán và xuyên suốt của Đảng, Chính phủ là tăng cường ĐNCBGD đủ mạnh về số lượng gắn liền với nâng cao chất lượng. Song, trước mắt cần quan tâm việc xây dựng ĐNCBGD đủ về số lượng. Chủ trương này là đúng đắn và phù hợp với tình hình phát triển giáo dục lúc đó, khi chúng ta thực hiện việc đẩy mạnh qui mô đào tạo cán bộ chuyên môn, số lượng học sinh, sinh viên phát triển mạnh, đòi hỏi phải tăng lực lượng cán bộ giảng dạy tương ứng với sự phát triển đó.

Quan triệt chủ trương trên, ngành ĐH&THCN đã tổ chức nhiều chương trình hoạt động nhằm xây dựng ĐNCBGD. Do vậy, từ năm 1965 đến năm 1975, ĐNCBGD được đào tạo, bồi dưỡng về nhiều mặt với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Nội dung bồi dưỡng bao gồm "lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối chính sách, đạo đức, tác phong của người thầy giáo xã hội chủ nghĩa, kiến thức khoa học, kỹ thuật hiện đại, kết hợp với truyền thống và kinh nghiệm thực tiễn của nhân dân, của nhà trường, kể cả lý luận khoa học sư phạm, kinh nghiệm giảng dạy của các thầy giáo dạy tốt và kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn. Hình thức bồi dưỡng cơ bản là tự học, tự nghiên cứu kết hợp với tham gia các lớp chuyên đề, tham gia công tác thực tế, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật phục vụ sản xuất, chiến đấu... và phục vụ công tác đào tạo¹⁸". Các hoạt động điển hình của các trường là: mở lớp đào tạo ngắn hạn, có kế hoạch bồi dưỡng cán bộ trẻ từ việc tham gia các khâu hỗ trợ cho công tác giảng dạy đến việc trực tiếp giảng dạy từng phần hoặc toàn bộ giáo trình; kết hợp chặt chẽ công tác phục vụ sản xuất, chiến đấu với công tác giảng dạy, học tập; tiếp tục phát động các phong trào thi đua "hai tốt", phát động đợt sinh hoạt chính trị học tập và làm theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ năm học 1968 - 1969, các trường đẩy

manh việc tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống theo khẩu hiệu "đảm bảo ăn đủ, sạch, đúng tiêu chuẩn".

Để tăng cường ĐNCBGD, các trường giữ những sinh viên tốt nghiệp loại ưu tú ở lại trường tiếp tục bồi dưỡng thành cán bộ giảng dạy. Đặc biệt là ĐNCBGD đại học mỗi năm được bổ sung hàng chục PTS được đào tạo ở các nước XHCN trở về. Đây là nguồn vốn quý trong việc nâng cao chất lượng ĐNCBGD và chất lượng đào tạo của ngành giáo dục ĐH&THCN sau này.

Mười năm hoạt động trong điều kiện hết sức khốc liệt, trải qua hai đợt đánh phá dữ dội của đế quốc Mỹ ra miền Bắc và trận lụt kinh hoàng tháng 8 - 1971 nhưng ĐNCBGD ĐH&THCN vẫn không ngừng phát triển theo hướng ngày càng nâng cao chất lượng. Tổng số cán bộ giảng dạy của khối đại học tăng 2,4 lần, khối trung học chuyên nghiệp là 2 lần. Số lượng cán bộ giảng dạy đại học là PTS, TS tăng 7,6 lần, đại học tăng 2,3 lần. Cán bộ giảng dạy khối trung học chuyên nghiệp có trình độ đại học tăng 3,6 lần, trình độ trung học giảm 1,1 lần. Cán bộ giảng dạy thâm niên ngày một tăng: ở khối đại học, cán bộ thâm niên trên 10 năm tăng 2,3 lần⁴. Tỷ lệ trung bình giữa số lượng cán bộ giảng dạy và sinh viên trong các trường đại học là 1/7, trong các trường trung học chuyên nghiệp 1/10, vượt chỉ tiêu đề ra trong Chỉ thị 53 TTg- Vg của Thủ tướng Chính phủ.

Với tinh thần tận tụy, trách nhiệm cao, ĐNCBGD không ngừng phấn đấu để nâng cao chất lượng toàn diện, thường xuyên cải tiến chương trình, nội dung, tiếp cận với khoa học, kỹ thuật hiện đại và kết hợp chặt chẽ với thực tiễn Việt Nam, qua đó trình độ chuyên môn ngày một nâng cao.

Việc thực hiện xây dựng ĐNCBGD đi trước một bước đã góp phần quyết định đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển của giáo dục ĐH&THCN giai đoạn 1965- 1975. "Đội ngũ cán bộ giảng dạy ĐH&THCN đã trưởng thành nhiều mặt từ nhận thức về quan điểm giáo dục của Đảng, rèn luyện đạo đức tác phong của người thầy giáo, người trí thức xã hội chủ nghĩa đến trình độ khoa học, sự phạm và năng lực tổ chức công tác đội ngũ cán bộ giảng dạy đã vươn lên hoàn thành những nhiệm vụ được giao phó"⁵. Tính đến năm 1975, ĐNCBGD ĐH&THCN đã đào tạo hơn 8 vạn người có

trình độ đại học, hơn 20 vạn có trình độ trung học thuộc các ngành nghề khác nhau. Đội ngũ cán bộ chuyên môn có tinh thần hăng hái, làm việc tận tụy, cống hiến xứng đáng cho sự nghiệp cách mạng.

Tuy nhiên, ĐNCBGD ĐH&THCN những năm 1965-1975 còn một số hạn chế, như: Tỷ lệ cán bộ giảng dạy nông cốt, có học vị PTS, TS, có thâm niên 10 năm trở lên còn thấp; cơ cấu không đều giữa các ngành; lực lượng giáo viên một số ngành chính trị, ngoại ngữ, quân sự, thể dục còn mỏng.

Qua nghiên cứu việc xây dựng ĐNCBGD ĐH&THCN (1965-1975), chúng ta rút ra những kinh nghiệm:

Một là, đào tạo, bồi dưỡng là việc gốc để xây dựng ĐNCBGD vững mạnh. Việc bồi dưỡng đào tạo phải được tiến hành thường xuyên, đảm bảo có ĐNCBGD thành thạo chuyên môn, nắm vững những kiến thức bổ trợ của các ngành liên quan, đồng thời phải nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Làm tốt công tác dự báo, bám sát đường lối phát triển giáo dục của Đảng, nhận định đúng xu hướng phát triển của các ngành nghề, trên cơ sở đó có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo để đảm bảo đủ yêu cầu về số lượng đội ngũ, có cơ cấu hợp lý giữa các môn học. Đảm bảo sự kế thừa, nối tiếp giữa các thế hệ, tránh sự khủng hoảng đứt đoạn giữa thế hệ trước với thế hệ sau. Cán bộ giảng dạy được tuyển dụng từ nhiều nguồn khác nhau nhưng phải đảm bảo về tiêu chuẩn: đạo đức, trình độ chuyên môn, bằng cấp, sức khỏe.

Hai là, quan tâm đời sống vật chất và tinh thần của ĐNCBGD. Trong điều kiện chiến tranh, cả nước đang đón sức cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, Đảng và Chính phủ vẫn rất quan tâm chăm lo đến đời sống và chế độ làm việc của ĐNCBGD. Sự quan tâm đó đã động viên, khuyến khích những người làm công tác giáo dục gắn bó với nghề, phát triển tài năng.

Chúng ta cần thấy rõ, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức coi trọng nghề dạy học, coi nghề giáo là nghề cao quý nhất, được cả xã hội tôn vinh; người thầy giáo chân chính được gọi là "những anh hùng vô danh"⁶. Đảng, Nhà nước luôn đồng viên thầy trò ngành giáo dục, trong các nhà trường thực hiện thật tốt lời dạy của Người: "dù khó khăn đến đâu cũng phải tiếp tục thi đua dạy tốt và học tốt".

(Xem tiếp trang 38)

công nhân vẫn phát triển mạnh mẽ, đều khắp trước sự đe dọa, khủng bố của chính quyền thực dân dã cho thấy sự trưởng thành về chính trị của công nhân Việt Nam.

Chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ, chính quyền thuộc địa tiến hành đàn áp, khủng bố trắng phong trào dân chủ. Ngày 28 - 9 - 1939, chúng ra Nghị định giải tán tất cả ái hữu, nghiệp đoàn, tịch thu sổ sách, tài liệu và khám xét trụ sở các hội ái hữu, phong trào đấu tranh đòi TDND và ái hữu đến đây tạm dừng lại.

Đấu tranh đòi TDND là cuộc đấu tranh hết sức gay go, quyết liệt của công nhân Việt Nam đã buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ. Tuy quyền TDND chưa được thi hành, nhưng đã giành được một số quyền lợi thiết thực của công nhân và quần chúng lao động, như quy định về ngày làm 8 giờ, mỗi năm người lao động được nghỉ 5 ngày phép có lương và 10 ngày phép không lương, không được bắt phụ nữ và trẻ em làm việc ban đêm... Phong trào ái hữu và nghiệp đoàn đã giác ngộ được hàng vạn công nhân, làm cho mối liên hệ giữa giai cấp công nhân với ĐCS thêm chắc chắn, sâu sắc.

Do vậy, "Những tổ chức quần chúng như các hội ái hữu, tương tế của thợ thuyền, nông dân, các hợp tác xã của tiểu thủ công, tiểu thương, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, đều là bộ phận không thể thiếu của M.T.D.C, là nền tảng để thực hiện M.T.D.C thống nhất".

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với phong trào ái hữu và nghiệp đoàn, giai cấp công nhân đã đồng viên, cổ vũ, tổ chức, đoàn kết với các lực lượng dân tộc dân chủ tham gia và đóng góp quan trọng vào cao trào dân chủ 1936 - 1939. Đây là một thành công lớn của Đảng ta trong lãnh đạo cách mạng ở thời kỳ 1936-1939.

1,4,5,6,7. Văn kiện Đảng Toàn Tập, CTQG, H, 2000, T.6, tr. 87, 290, 278, 241, 642

2. Cuộc vận động Đại hội Đông Dương là do Đảng ta khởi xướng nhằm tập hợp ý kiến, nguyện vọng của quần chúng, thông qua các đại hội từ cơ sở đến toàn Đông Dương để gửi cho đoàn đại biểu Chính phủ Pháp sang điều tra tình hình Đông Dương.

3. Bản nghiên cứu Lịch sử công đoàn Việt Nam: Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn Việt Nam (1860 - 1945), NXB Lao động, H, 1977, tr. 133

MỘT SỐ NÉT VỀ XÂY DỰNG...

(Tiếp theo trang 34)

Ba là, phải tự đào tạo. Cùng với việc bồi dưỡng, đào tạo theo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các hoạt động đào tạo của nhà trường, mỗi cán bộ giảng dạy phải nêu cao tinh thần tự đào tạo. Bằng cách tự đào tạo, những người làm công tác giáo dục mới tránh được sự tụt hậu về kiến thức, đáp ứng được yêu cầu của người học trước những vấn đề thực tiễn đặt ra. Trong mối quan hệ dạy và học, người thầy đồng thời cũng là người học. Người thầy cũng phải nỗ lực vươn lên trong học tập, nghiên cứu khoa học để theo kịp sự phát triển của thời đại.

Chúng ta đang sống trong thời đại khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ, đổi mới giáo dục đang diễn ra trên qui mô toàn cầu. Mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy luôn được đổi mới đòi hỏi phải xây dựng ĐNCBGD ngang tầm nhiệm vụ. Để thực hiện yêu cầu đó, cần xây dựng, chuẩn hóa ĐNCBGD, đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên về kiến thức, phẩm chất đạo đức, có chính sách cải thiện đời sống vật chất, điều kiện làm việc của người thầy, và có chính sách cụ thể thể hiện sự tôn vinh của xã hội đối với những người làm nghề dạy học.

1. Văn kiện Đảng Toàn tập, CTQG, H, 2003, T 27, tr 233

2. Một số văn kiện của Đảng và Chính phủ về công tác đại học và trung học chuyên nghiệp (1960- 1979), Lưu hành nội bộ, tr.90

3. Tập san đại học và trung học chuyên nghiệp, số 5 năm 1975, tr 2-3

4. Số liệu được xử lý theo Niên giám thống kê 20 năm phát triển giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp (1955-1975), Bộ đại học và trung học chuyên nghiệp, 1976

5. Bộ đại học và trung học chuyên nghiệp, 30 năm nền giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp (1945- 1975), NXB ĐH&THCN, H, 1975, tr.100

6. Hồ Chí Minh Về vấn đề giáo dục, NXB Giáo dục, H, 1990, tr. 236.